

Bản án số: 40/2019/HS-ST
Ngày 28 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Quốc Phòng và bà Nguyễn Thuỳ Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phan Mạnh Giang, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại Nhà văn hoá tiểu khu 6, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2019/TLST- HS ngày 25/4/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HS ngày 06/5/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1990 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn 1 C, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án: 04 tiền án: Bản án số 40/2010/HS-ST ngày 27/8/2010 của Toà án nhân dân huyện B xử phạt 24 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; Bản án số 08/2013/HS-ST ngày 15/01/2013 của Toà án nhân dân huyện B xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Bản án số 37/2016/HS-ST ngày 27/6/2016 của Toà án nhân dân huyện B xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 10/2018/HS-ST ngày 16/3/2018 của Toà án nhân dân huyện B xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B từ ngày 29/10/2018 cho đến nay. Theo lệnh trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Ngọc H1, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1989 tại Đ, Quảng Trị; Nơi cư trú: K 1, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng M và bà Dương Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Năm 2008 phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị TAND TP Đ xử phạt 12 tháng tù; Năm 2009 phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” bị TAND TP Đ xử phạt 09 tháng tù; Năm 2013 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị TAND TP Đ xử phạt 36 tháng tù.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B T từ ngày 01/11/2018 cho đến nay. Theo lệnh trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lê N, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1976 tại huyện H, Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: không; trình độ

văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê T và bà Lê Thị S; vợ: Lê Thị V, con: 02 đứa (đứa lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B từ ngày 29/11/2018 cho đến nay. Theo lệnh trích xuất bị cáo có mặt tại phiên toà.

4. Phạm Ngọc Đ, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1997 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn P, xã Sơn T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc T và bà Lê Thị K; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm, giữ tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B từ ngày 15/10/2018 cho đến ngày 10/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng “Bảo lãnh”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà.

- *Những người làm chứng:*

+ Chị Lê Thị V, sinh năm 1982; trú tại: Khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt

+ Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 2003; trú tại: K 8, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 15/10/2018 Phạm Ngọc Đ gọi điện thoại cho Nguyễn Mạnh H hỏi mua ma túy hồng phiến với số tiền 500.000đ, H đồng ý bán và hẹn gặp Đ tại thôn G, xã H, huyện B để giao dịch. Sau khi gặp nhau thì Đ muốn mua ma túy với số tiền 1.000.000đ, nhưng H chỉ bán 05 viên ma túy hồng phiến với số tiền là 500.000đ và cho Đ thêm 03 viên ma túy nữa. Mua được ma túy, Đ quay về nhà sử dụng hết 04 viên, thì lúc này có “Chờ” ở xã S là bạn hay sử dụng ma túy với Đ gọi điện thoại cho Đ hỏi có ma túy không để cùng sử dụng, Đ đồng ý và hẹn “Chờ” tại cổng Trường cấp 1, xã S, huyện B. Đến khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, trong khi Đ đang cầm trong tay 04 viên ma túy để đợi “Chờ” tới cùng sử dụng thì bị lực lượng Công an huyện B phát hiện và bắt giữ quả tang. Tại bản kết luận giám định số 1135/QĐ-PC 09 ngày 23/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận: 04 viên nén hình tròn dạng thuốc tân dược màu hồng, trên mặt mỗi viên đều có in chữ “WY” là chất ma túy Methamphetamine, khối lượng 0,364gam. Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, Số thứ tự: 323, Danh mục II, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ.

Vào ngày 26/10/2018 Cơ quan điều tra triệu tập Nguyễn Mạnh H đến làm việc, H khai nhận số ma túy trên là do H và Nguyễn Công T, sinh năm 1990 ở xã V mua lại từ đối tượng tên “Sỹ” ở thị xã B, tỉnh Quảng Bình với số lượng 20 viên, đưa về vừa sử dụng và bán liêm lời. Trong khi đang đấu tranh, làm việc với H thì phát hiện trước đó vào ngày 25/10/2018 H đã đặt mua ma túy của Lê Ngọc H1 với số lượng 120 viên. Đến 17 giờ 30 phút ngày 26/10/2018 thì hàng được chuyển ra cho H bằng đường xe khách, H đã nhận hàng và tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra. Tại bản kết luận giám định số 1206/QĐ-PC 09 ngày 05/11/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận: 119 viên nén màu hồng, dạng

thuốc tân dược trên bề mặt mỗi viên đều in chữ “WY” là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 11,281gam; 01 viên nén màu xanh, dạng thuốc tân dược trên bề mặt in chữ “WY” là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,094 gam. Tổng khối lượng của 120 viên là 11,375 gam.

Quá trình điều tra, truy xét thì ngày 01/11/2018 Lê Ngọc H1 đã ra đầu thú và khai nhận: Vào cuối tháng 9/2018, H1 quen biết Nguyễn Mạnh H tại TP Đ và cùng nhau sử dụng ma túy. Đến đầu tháng 10/2018 H cho H1 mượn 2.000.000đ, sau đó H biết H1 có nhiều mối quan hệ liên quan đến ma túy nên H đã đặt vấn đề muốn mua ma túy trị giá 6.000.000đ để đưa ra huyện B bán kiếm lời. Do muốn có tiền để trả nợ cho H nên H1 đã đồng ý và đã gọi điện thoại cho Lê N để hỏi mua ma túy, N đã đồng ý bán cho H1 một gói 200 viên với số tiền 7.500.000đ. Sau đó, ngày 22/10/2018 H1 chuyển cho N số tiền 5.000.000đ bằng đường xe khách, còn lại 2.500.000đ N yêu cầu gửi vào số tài khoản 390.120.5011.432, H1 đồng ý, vào ngày 25/10/2018 H1 gửi số tài khoản này cho H để H chuyển vào 2.000.000đ, còn lại 500.000đ H1 gửi qua Trung tâm Viettel cho N theo số điện thoại 0969.873.030 mang tên Lê N. Đến khoảng 09 giờ sáng ngày 26/10/2018 N đã đưa cho H1 một bọc gói ma túy với số lượng 150 viên tại một nhà nghỉ ở thành phố Đ, H1 và N lấy ra 2-3 viên cùng nhau sử dụng. Sau đó, H1 mang số ma túy về nhà lấy bớt ra 120 viên gói lại, nhét vào trong đôi giày màu đen, tiếp tục bỏ vào trong một chiếc hộp màu hồng rồi đưa cho bạn gái Nguyễn Thị O nhờ gửi ra Quảng Bình cho H. Đến 14 giờ cùng ngày, O ghi số điện thoại và địa chỉ “0705478280 ngã 3 Ba Đồn” rồi gửi qua đường xe khách, đến 17 giờ 30 phút thì H nhận được gói ma túy trên và đã giao nộp cho Cơ quan điều tra, số ma túy còn lại H1 đã sử dụng hết.

Tiếp tục điều tra, truy xét đến ngày 29/11/2018 Lê N ra đầu thú và khai nhận số ma túy 200 viên đã được mua từ một đối tượng người Lào ở cửa khẩu Lao Bảo, huyện H, tỉnh Quảng Trị với giá 6.000.000đ. N đã lấy bớt và sử dụng hết 50 viên, số còn lại 150 viên đưa bán cho H1, sau đó thì bị lực lượng Công an Bồ Trách phát hiện, thu giữ.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bồ Trách đã thu giữ của Phạm Ngọc Đ: Một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng, có số điện thoại 01654445997 và số 0384835997 và 04 viên ma túy Methamphetamine, có khối lượng 0,364 gam, sau giám định được bỏ vào một phong bì thư được dán kín, có số 1135/GĐ-PC 09; Thu giữ của Nguyễn Mạnh H: Một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen có số điện thoại 0705478280, một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng có số điện thoại 0889271181, một hộp giấy màu hồng có ghi số và chữ “0705478280 và Ngã 3 Ba Đồn” bên trong có một đôi giày màu đen, 120 viên ma túy Methamphetamine, có khối lượng 11,375 gam, sau giám định được bỏ vào một bì thư được dán kín, có số 1206/GĐ-PC 09; Thu giữ của Lê Ngọc H1: Một điện thoại di động nhãn hiệu LV mobile màu trắng có số điện thoại 0968176000; Thu giữ của Nguyễn Thị O: Một sim điện thoại Vinaphone có số 0838296602. Các vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Kho vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Bồ Trách.

Bản Cáo trạng số: 38/CT-VKSBT ngày 23/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trách truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh H vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, i, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; các bị cáo Lê Ngọc H1, Lê N vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật

hình sự và bị cáo Phạm Ngọc Đ vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, i, q khoản 2 Điều 251; Điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H từ 09 năm đến 10 năm tù.

- Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; Điểm s, t khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Ngọc H1 từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù.

- Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251 Điểm s khoản 1; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê N từ 07 năm đến 7 năm 6 tháng tù. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Lê Nam nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm ngàn đồng)

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Đ từ 07 tháng đến 09 tháng tù.

Về vật xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ Luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự 2015 xử:

- Tịch thu tiêu hủy: Một phong bì thư được dán kín, có số 1135/GĐ-PC 09,, “mẫu ký hiệu A” của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình. Một bì thư được dán kín, có số 1206/GĐ-PC 09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình. Các sim điện thoại có các số điện thoại: 01654445997, 0384835997, 0705478280, 0889271181, 09681760000, 838296602 và một hộp giấy màu hồng có ghi số và chữ “0705478280 và “Ngã 3 Ba Đồn” bên trong có một đôi giày màu đen.

- Tịch thu sung công: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu LV mobile màu trắng.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Lê Ngọc H1, Lê N và Phạm Ngọc Đ: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình vi phạm pháp luật hình sự, các bị cáo rất ăn năn hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Phiên tòa vắng mặt người làm chứng, tuy nhiên, sự vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Lê Ngọc H1, Lê N và Phạm Ngọc Đ đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị

cáo phù hợp với tang vật vụ án đã thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án và được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở xác định: xuất phát từ động cơ háms lợi, coi thường pháp luật khoảng 18 giờ 10 phút ngày 15/10/2018 tại thôn G, xã H, huyện B Nguyễn Mạnh H đã bán cho Phạm Ngọc Đ 08 viên chất ma túy Methamphetamine với giá 500.000 đồng để sử dụng. Đến khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, Đ đang tàng trữ 04 viên ma túy Methamphetamine có khối lượng 0,364 gam để tiếp tục sử dụng cùng với bạn thì bị lực lượng Công an huyện Bó Trạch bắt giữ. Trước đó tháng 10/2018 H đã đặt mua ma túy từ Lê Ngọc H1 với số tiền 6.000.000 đồng và đã chuyển trước 4.000.000 đồng để bán kiếm lời. H1 đặt mua ma túy từ Lê N và đã chuyển trước với số tiền 7.500.000 đồng để bán lại cho H để kiếm lời. Từ đó N đã mua ma túy từ một đối tượng người Lào tại cửa khẩu Lao Bảo với số lượng 200 viên, trị giá 6.000.000 đồng. Đến ngày 26/10/2018 N hẹn gặp H1 tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị rồi giao cho H một bọc gói ma túy với số lượng 150 viên, cả hai cùng nhau sử dụng hết 3 viên. Đến 14 giờ cùng ngày, H gói 120 viên bỏ vào trong một đôi giày rồi nhờ bạn gái là Nguyễn Thị O gửi ra cho H. Đến 15h30 cùng ngày, H nhận được gói ma túy có khối lượng 11,375 gam loại Methamphetamine đưa giao nộp cho cơ quan điều tra. Số ma túy còn lại Nam và Hoài sử dụng hết. Bị cáo Nguyễn Mạnh Hùng, Lê Ngọc Hoài là Lê Nam thực hiện hành vi mua bán chất túy có khối lượng 11,375g, còn bị cáo Phạm Ngọc Đại tàng trữ ma túy ma túy có khối lượng 0,364g là Methamphetamine, nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự: 323, Danh mục II, Nghị định số 73/2018/NĐ – CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Mạnh H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, i, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Lê Ngọc H1 và Lê N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Ngọc Đ phạm vào “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1, Điều 249 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bó Trạch và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Vụ án có nhiều bị cáo tham gia, nhưng do không có sự bàn bạc và cấu kết chặt chẽ từ trước nên không có tính tổ chức, các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn, với vai trò đều là người thực hành tích cực. Trong đó, Nguyễn Mạnh H là đối tượng đã trực tiếp mua đi bán lại nhiều lần; khối lượng ma túy lớn và 04 bản án về các loại tội cố ý chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, thể hiện tính nguy hiểm rất lớn cho xã hội do đó giữ vai trò chính và cũng phải chịu một mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại. Bị cáo H đã bị TAND TP Đông Hà đưa ra xét xử nhiều lần về các hành vi chiếm đoạt tài sản (đã được xóa án tích), được đưa đi cải tạo giáo dục nhiều lần, nhưng không chịu cải tạo hoàn lương lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên cũng phải chịu một mức hình phạt tương xứng với hành vi mình gây ra. Còn đối với N cũng là một đối tượng không có công ăn việc làm ổn định, khi được H1 hỏi mua ma túy thấy có lợi cho bản thân nên đã trực tiếp tìm hỏi ma túy tại cửa khẩu để bán lại kiếm lời nên cũng phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình. Trong vụ án này các bị cáo H, H1, N có hành vi mua bán với khối lượng lớn nên phải chịu tình tiết định khung theo khoản 2 Điều 251 BLHS và tính chất của

hành vi là rất nguy hiểm cho xã hội nên phải chịu một mức hình phạt rất nghiêm khắc. Riêng bị cáo Đ là người đã mua lại ma túy từ H nhằm mục đích sử dụng nên cũng phải đưa ra xét xử nghiêm. Như vậy, hành vi của các bị cáo gây sự bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã huyện Bố Trạch nói riêng và toàn tỉnh Quảng Bình nói chung nên cần có hình phạt nghiêm khắc.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Lê Ngọc H1 và Phạm Ngọc Đ tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án nên áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Lê Ngọc H1 và Lê N đã đầu thú nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt trong khung hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Về hình phạt:

Hành vi các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Lê Ngọc H1, Lê Nam và Phạm Ngọc Đ là rất nguy hiểm do đó cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và gia đình. Đối với bị cáo Phạm Ngọc Đ phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 nên được xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 khi lượng hình đề xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp hơn của khung hình phạt mà bị cáo bị xét xử.

[6] Biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra đã chứng minh được Lê N thu lợi bất chính số tiền 1.500.000 đồng nên buộc Lê N nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.500.000 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Lê Ngọc H1, Lê Nam và Phạm Ngọc Đ là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Liên quan đến vụ án còn có đối tượng tên S ở thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, đối tượng B người Lào đã bán ma túy cho H và N; Đối tượng Chờ đã liên hệ với Đ để sử dụng ma túy do không xác định được tên tuổi địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp. Đối tượng tên T tham gia đi với H để mua ma túy, hiện không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, sẽ xử lý sau; Đối với Nguyễn Thị O đã được Hoài nhờ đưa gói hàng, bên trong chứa ma túy đi gửi xe khách, Lê Thị V là chủ tài khoản 3901205011432 mà N sử dụng do không liên quan đến tội phạm nên không xử lý là đúng quy định.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch đã thu giữ:

- Một phong bì thư được dán kín, có số 1135/GĐ-PC 09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình. Một bì thư được dán kín, có số 1206/GĐ-PC 09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình có chứa ma túy là loại thuộc Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu

trắng ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu LV mobile màu trắng những vật chứng này các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Các sim điện thoại có các số điện thoại 01654445997, 0384835997, 0705478280, 0889271181, 09681760000, 838296602 và một hộp giấy màu hồng có ghi số và chữ “0705478280 và Ngã 3 Ba Đồn” bên trong có một đôi giày màu đen là các vật chứng liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Lê Ngọc H1, Lê N và Phạm Ngọc Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Lê Ngọc H1 và Lê N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo Phạm Ngọc Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” .

- Căn cứ vào điểm b, i, q khoản 2 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Mạnh H 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/10/2018.

- Căn cứ vào điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Ngọc H 7 (bảy) năm (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 01/11/2018.

- Căn cứ vào điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê N 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 29/11/2018.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Ngọc Đ 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giam thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ 15/10/2018 đến 10/01/2019.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Lê Ngọc H1 và Lê N với thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/5/2019).

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Lê N nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm ngàn đồng)

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ Luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: Một phong bì thư được dán kín, có số 1135/GĐ-PC 09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình. Một bì thư được dán kín, có số 1206/GĐ-PC 09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình. Các sim điện thoại có các số điện thoại: 01654445997, 0384835997, 0705478280, 0889271181, 09681760000, 838296602 và một hộp giấy màu hồng có ghi số và chữ “0705478280 và “Ngã 3 Ba Đồn”, bên trong có một đôi giày màu đen.

- Tịch thu sung công: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu LV mobile màu trắng.

Các vật chứng nêu trên có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/5/2019.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án xử: Buộc các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Lê Ngọc H1, Lê N và Phạm Ngọc Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo 200.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/5/2019, có quyền kháng cáo bản án để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bồ Trạch;
- Công an huyện Bồ Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
- Bị cáo;
- UBND xã S, huyện B;
- UBND thị trấn L, huyện H, tỉnh QT;
- UBND phường 5, thành phố H, tỉnh QT;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Mạnh Cường